

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày: 12/ 3/ 2025

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thuý Hằng
2. Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân TP Đồng Hới tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2024/TLST - DS ngày 05/11/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 19/2025/QĐST-DS ngày 21/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B; địa chỉ: Số 117 đường Q, phường Q, thành phố V, tỉnh N; người đại diện theo pháp luật: Bà Thái H – Tổng giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền (Theo uỷ quyền số 19/2023/QĐ-TGD ngày 11/01/2023): Ông Trần Hữu L – Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh Q; Địa chỉ: Số 285 - 287 đường T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Người được uỷ quyền lại theo Giấy uỷ quyền số 54/2024/UQ-CN ngày 23/10/2024 của Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh Q gồm: Bà Nguyễn Thị Anh V, bà Phan Vân A, ông Hoàng Văn C – Cán bộ Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Q. Bà Phan Vân A có mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: Nhà số 4, ngõ 36 đường V, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ căn báo: Số 57 đường L, khu đô thị T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trong đơn khởi kiện ngày 23/10/2024 và trong các văn bản tố tụng trình bày:

Ngày 03/07/2023, bà Trần Thị H và Ngân hàng TMCP B ký Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế BAC A BANK (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với nội dung cơ bản như sau: BAC A BANK cấp thẻ tín dụng quốc tế cho Bà Trần Thị H để sử dụng với hạn mức thẻ là: 45.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn.); Loại thẻ: Cashback Platinum. Mục đích sử dụng thẻ: Để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ cho đơn vị chấp nhận thẻ hoặc/và rút tiền tại các ATM và thanh toán các loại hóa đơn trên kênh do BAC A BANK cung cấp phù hợp với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và quy định pháp luật hiện hành. Thời hạn sử dụng thẻ: từ ngày 13/07/2023 đến ngày 13/07/2028. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bà Trần Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng về thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Bà Trần Thị H là vi phạm cam kết của chính bà Trần Thị H tại Điều 13.1.2 của bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng BAC A BANK đính kèm Hợp đồng, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của BAC A BANK. Do đó, tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2024, Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị H trả ngay cho Ngân hàng TMCP B số tiền (tạm tính đến ngày 22/10/2024) là: 55,375,581 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn, năm trăm tám mươi một đồng), bao gồm: dư nợ gốc là: 44,529,002 đồng của khoản nợ Thẻ tín dụng phát sinh từ việc thực hiện Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế BAC A BANK số 558755*****1867 ngày 04/07/2023 và số tiền nợ lãi là 10,346,579 đồng và phí chậm thanh toán là 500,000 đồng.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bị đơn bà Trần Thị H không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Buộc bà Trần Thị H trả ngay cho Ngân hàng TMCP B số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2025 là 61.376.777 (Sáu mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng, bao gồm: dư nợ gốc là: 44,529,002 đồng; nợ lãi 16.347.775 đồng; và phí chậm thanh toán là: 500.000 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu khách hàng không trả hết các khoản nghĩa vụ thanh toán theo bản án thì khách hàng còn phải chịu thanh toán khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả quy định tại Bộ Luật dân sự 2015.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Trần Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và các khoản lãi, phí phát sinh thì BAC A BANK có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành các phương

thức xử lý phù hợp với quy định của pháp luật để Bà Trần Thị H trả khoản nợ thẻ tín dụng nói trên và thu hồi nợ cho BAC A BANK.

Tại phiên tòa Bị đơn Bà Trần Thị H do không có mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu ý kiến như sau: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng pháp luật.

** Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi giấy triệu tập hợp lệ qua đường bưu điện; tổng đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được đối với bị đơn bà Trần Thị H; tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa phương. Nhưng tại các phiên họp, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là bà Trần Thị H vắng mặt không có lý do. Bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

** Đối với nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên tòa, đề nghị HĐXX:

Áp dụng các Điều 298, 299, 317, 318, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103, 136 Luật các tổ chức tín dụng 2024, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền còn nợ theo khoản nợ Thẻ tín dụng phát sinh từ việc thực hiện Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế BAC A BANK số 558755*****1867 ngày 03/07/2023, tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2025 là 61.376.777 (Sáu mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng, bao gồm: dư nợ gốc là: 44,529,002 đồng; nợ lãi 16.347.775 đồng; và phí chậm thanh toán là: 500.000 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay tính trên số tiền gốc thực tế phát sinh cho đến khi thi hành án xong theo quy định của pháp luật. Từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc, hàng tháng bà Nguyễn Thị H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị H phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc, nợ lãi và phí chậm thanh toán theo khoản nợ Thẻ tín dụng phát sinh từ việc thực hiện Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP B và bà Trần Thị H. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP B là Tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và bị đơn là bà Trần Thị H không có đăng ký kinh doanh, trong hợp đồng tín dụng thể hiện “*Bà Trần Thị H cư trú tại Nhà số 4, ngõ 36 đường V, Tổ dân phố 9, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình*” và theo Biên bản làm việc lập ngày 20/12/2024 giữa Tòa án và Tổ trưởng Tổ dân phố 11 phường B, thành phố Đ có nội dung xác nhận “*Bà Trần Thị H đến sinh sống tại địa chỉ số 57 đường L, Khu đô thị T, Tổ dân phố 11, phường B, TP Đ, tỉnh Quảng Bình từ năm 2017 ...*”. Căn cứ theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với bị đơn bà Trần Thị H không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập hợp lệ qua đường bưu điện; tổng đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được đối với bị đơn bà Trần Thị H và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa phương, nhưng bà Trần Thị H vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Tòa án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt còn bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025 và tiến hành niêm yết tại địa phương nơi bị đơn bà Trần Thị H cư trú. Ngày 05/02/2025, Bị đơn bà Trần Thị H đã đến trụ sở Tòa án và nhận trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Ngày 21/02/2025, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 19 /2025/QĐST-DS ngày 21/02/2025 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 12/3/2025, đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết

Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại Tổ dân phố 11, phường B, TP Đ, tỉnh Quảng Bình là nơi bị đơn bà Trần Thị H cư trú. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị H.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị H trả ngay cho Ngân hàng TMCP B số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2025 là 61.376.777 (Sáu mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng, bao gồm: dư nợ gốc là: 44,529,002 đồng; nợ lãi 16.347.775 đồng; và phí chậm thanh toán là: 500.000 đồng. Bên vay – bà Trần Thị H tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh, lãi quá hạn, các loại phí từ ngày 13/3/2025 cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ theo khoản nợ Thẻ tín dụng phát sinh từ việc thực hiện Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế BAC A BANK số 558755*****1867 ngày 03/07/2023.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B yêu cầu phía bị đơn bà Trần Thị H phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử thấy: Phía Ngân hàng TMCP B và bị đơn bà Trần Thị H có ký kết Hợp đồng tín dụng là khoản nợ Thẻ tín dụng phát sinh từ việc thực hiện Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế BAC A BANK số 558755*****1867 ngày 03/07/2023 đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Khoản nợ Thẻ tín dụng phát sinh từ việc thực hiện Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế được ký kết nêu trên do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định tại Điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng 2024, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, bị đơn bà Trần Thị H đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng kê chi tiết lịch sử khoản vay do Ngân hàng TMCP B cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán tổng dư nợ gốc và lãi nhiều lần và sau đó thì vi phạm về nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn, thu hồi thẻ tín dụng và trực tiếp làm việc với bị đơn, bà Trần Thị H đã thừa nhận khoản nợ gốc và lãi và cam kết trả nợ trong tháng 6 năm 2024 (BL 02; 07;12;130). Nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà còn trốn tránh

việc trả nợ, bị đơn đã vi phạm Hợp đồng đã ký kết. Nay Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi tính phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2025 là 61.376.777 (Sáu mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng, bao gồm: dư nợ gốc là: 44,529,002 đồng; nợ lãi 16.347.775 đồng; và phí chậm thanh toán là: 500.000 đồng là phù hợp cần chấp nhận.

[2.4]. Như vậy tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng căn cứ vào các nhận định tại [2.1]; [2.2] [2.3] nêu trên có đủ cơ sở buộc bị đơn Bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 61.376.777 (Sáu mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng, bao gồm: dư nợ gốc là: 44,529,002 đồng; nợ lãi 16.347.775 đồng; và phí chậm thanh toán là: 500.000 đồng; và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa bà Hương với Ngân hàng cho đến ngày bà H trả nợ xong cho Ngân hàng.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 61.376.777 đồng x 5% = 3.068.000 đồng

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.384.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001440 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 100, 103 Luật tổ chức tín dụng 2024.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

1.1 Buộc bà Trần Thị H phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2025 là 61.376.777 (Sáu mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng, bao gồm: dư nợ gốc là: 44,529,002 đồng; nợ lãi 16.347.775 đồng; và phí chậm thanh toán là: 500.000 đồng.

1.2 Buộc bà Trần Thị H tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tiền lãi phát sinh, lãi quá hạn, các loại phí từ ngày 13/3/2025 cho đến khi hết nợ.

2. Án phí:

2.1 Bị đơn bà Trần Thị H - phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.068.800 đồng.

2.2 Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.384.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001440 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/3/2025); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Phúc Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Cac Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

